TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 166/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 10 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/4/2019;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Hồ Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Phòng 50 H3, khu định cư S, phường T, thành phố Huế.

+ Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Phòng 50 H3, khu định cư S, phường T, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H sau một thời gian tìm hiểu 08 tháng thì tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hương Sơ, thanh phố Huế ngày 20/5/2013. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Ng nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Càng ngày mâu thuẫn càng trở nên trầm

trọng, đời sống hôn nhân không đạt nên anh T, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T, chị H xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Hồ Quỳnh Nh, sinh ngày 06/6/2011; Hồ Khôi Ng, sinh ngày 25/10/2013; Hồ A, sinh ngày 3/7/2017. Anh T, chị H thoả thuận giao hai cháu Quỳnh Nh và A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, giao cháu Khôi Ng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Anh T, chị H xác nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T, chị H xác nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí Toà án: Anh T, chị H mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí, đã nộp đủ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007689 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn T và chị Đỗ Thị H thuận tình ly hôn (anh T, chị H đăng ký kết hôn ngày 20/5/2013).

- Về con chung: Anh Hồ Văn T và chị Đỗ Thị H có 03 con chung là Hồ Quỳnh Nh, sinh ngày 06/6/2011; Hồ Khôi Ng, sinh ngày 25/10/2013; Hồ A, sinh ngày 3/7/2017. Giao hai cháu Quỳnh Nh và A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu Khôi Ng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Hồ Văn T và chị Đỗ Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Hồ Văn T và chị Đỗ Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hồ Văn T và chị Đỗ Thị H mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp đủ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007689 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Huế;
- Chi Cục THADS TP Huế;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú

.